|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dự thảo Nghị định quy định chi tiết về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng** | | | |
| 1 | **Điều 3. Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép**  1. Sản phẩm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng.  2. Sản phẩm giám sát an toàn thông tin mạng.  3. Sản phẩm chống tấn công, xâm nhập. | Khoản 1 Điều 48 của Luật an toàn thông tin mạng (ATTTM) giao Chính phủ quy định chi tiết danh mục sản phẩm ATTTM nhập khẩu theo giấy phép.  **Điều 3 của Dự thảo liệt kê danh mục không chi tiết hơn so với khoản 2 Điều 41 của Luật** ATTTM. Đi kèm với quy định về nhập khẩu mật mã dân sự, **Điều 3 đã yêu cầu gần như toàn bộ các sản phẩm ATTTM đều phải nhập khẩu theo giấy phép. Trong khi đó, tinh thần của khoản 1 Điều 48 là chỉ những sản phẩm có "nguy cơ cao" thì mới cần nhập khẩu theo giấy phép**, chứ không áp dụng cho tất cả các sản phẩm ATTTM (nếu áp dụng cho toàn bộ các sản phẩm ATTTM như quy định tại Điều 3 dự thảo thì Quốc hội có thể quy định luôn, không cần giao Chính phủ).  Hơn nữa, **quy định này sẽ tạo gánh nặng thủ tục hành chính** rất lớn đối với doanh nghiệp nghiệp nhập nhẩu, từ đó có nguy cơ cản trở việc nhập khẩu một số loại sản phẩm đáp ứng như cầu sử dụng của đại bộ phận người dân. Nguy hiểm hơn khi rất nhiều các sản phẩm trong số đó hoàn toàn có thể mua trực tiếp trên mạng mà không cần thông qua doanh nghiệp phân phối tại Việt Nam.  Do đó, việc kiểm soát quá chặt nhập khẩu sản phẩm ATTTM sẽ khiến nguồn cung trên thị trường thông qua các doanh nghiệp phân phối của Việt Nam gặp khó khăn, từ đó đẩy người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm trên mạng, và càng khó quản lý. | **Đề nghị giới hạn lại các loại sản phẩm ATTTM mà phải nhập khẩu theo giấy phép**, chỉ hướng đến những sản phẩm sử dụng cho việc bảo vệ các hệ thống thông tin có quy mô và tầm ảnh hưởng lớn.  **Đề nghị không quy định việc cấp phép khi nhập khẩu các sản phẩm ATTTM sử dụng cho các máy tính cá nhân của người dân**. Thay vào đó là cơ chế hậu kiểm: sản phẩm vẫn phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng, doanh nghiệp vẫn phải báo cáo và nhà nước vẫn thực hiện thanh tra, kiểm tra. |
| 2 | **Điều 5. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng**  1. Doanh nghiệp được cấp phép triển khai hoạt động nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  b) Có phương án kinh doanh làm rõ: mục đích nhập khẩu; phạm vi đối tượng cung cấp sản phẩm; sản phẩm dự kiến cung cấp; sự đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đối với từng loại sản phẩm; **chi tiết các tính năng kỹ thuật cơ bản của sản phẩm**; **phương án triển khai kho bãi**;  2. Doanh nghiệp được cấp phép triển khai hoạt động sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  c) Có phương án kinh doanh làm rõ: phạm vi đối tượng cung cấp sản phẩm; loại hình sản phẩm dự kiến sản xuất; sự đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đối với từng loại sản phẩm; các tính năng kỹ thuật cơ bản của sản phẩm; **kế hoạch đầu tư**  3. Doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2, Điều 2 Nghị định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  đ) Có phương án kinh doanh làm rõ: phạm vi đối tượng cung cấp dịch vụ; loại hình dịch vụ dự kiến cung cấp; ***kế hoạch đầu tư;*** phương án bảo mật thông tin của khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ; phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ;  e) **Có phương án kỹ thuật làm rõ**: tổng thể hệ thống kỹ thuật; việc đáp ứng về chức năng của hệ thống tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến cung cấp; việc đáp ứng với các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng căn cứ vào các đặc tả kỹ thuật của giải pháp sử dụng, các chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn của nhà cung cấp giải pháp đã thực hiện kiểm định và đã được công nhận hoặc chứng nhận của tổ chức kiểm định được thừa nhận; đối với các sản phẩm phần mềm cần mô tả, chứng minh nguồn gốc, có bản quyền hay tự phát triển. | Điểm d khoản 1 Điều 42 của Luật ATTTM yêu cầu doanh nghiệp phải có "Có phương án kinh doanh phù hợp" và giao Chính phủ quy định chi tiết, như thế nào là một phương án kinh doanh phù hợp. Tuy nhiên, điểm b khoản 1 Điều 5 của Dự thảo không giải quyết được yêu cầu này. Hơn nữa, **việc yêu cầu doanh nghiệp có phương án kinh doanh thuộc về thành phần hồ sơ**, chứ không phải là một điều kiện kinh doanh.  Trong khi đó, điểm d khoản 2 Điều 43 của Luật ATTTM đã quy định thành phần hồ sơ có: *Phương án kinh doanh gồm phạm vi, đối tượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ;*điểm b khoản 1 Điều 5 của **dự thảo lại mở rộng hơn**, yêu cầu nội dung của phương án kinh doanh phải có thêm "chi tiết các tính năng kỹ thuật cơ bản của sản phẩm" và "phương án triển khai kho bãi".  Điểm c khoản 2 Điều 5 của Dự thảo cũng gặp các vấn đề tương tự.  Xét về sự cần thiết, các quy định yêu cầu doanh nghiệp phải khai báo về "phương án triển khai kho bãi", "kế hoạch đầu tư" tại các điểm b khoản 1 Điều 5; điểm c khoản 2và điểm đ khoản 3 đều **không cần thiết**. Bởi những vấn đề này thuộc **quyền tự quyết của doanh nghiệp** không trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng hay tính an toàn của sản phẩm, dịch vụ.  Điểm e khoản 3 Điều 5yêu cầu doanh nghiệp phải có phương án kỹ thuật với **rất nhiều nội dung vượt quá yêu cầu củađiểm d khoản 2 Điều 42 của Luật ATTTM** (Luật chỉ yêu cầu "phương án kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật"). Do đó, doanh nghiệp cũng chỉ cần khai báo các nội dung của phương án kỹ thuật sao cho phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng mà thôi, không cần khai báo thêm các nội dung khác.  Trong phụ lục về Phương án sản xuất/kinh doanh tại Phụ lục của Dự thảo còn yêu cầu doanh nghiệp khai báo Phần 5: Tài chính với các nội dung về **kế hoạch đầu tư và dự báo lợi nhuận/lỗ**. Đây đều là các quy định không cần thiết.  **Việc quy định chi tiết về điều kiện kinh doanh phải đảm bảo các nguyên tắc:**   * + Không bổ sung thêm điều kiện đã có trong luật.   + Không vượt quá (mà chỉ được quy định chi tiết) các điều kiện đã được thể hiện trong luật.   + Không yêu cầu thêm thành phần hồ sơ, không thêm các nội dung khai báo so với Luật.   + Không yêu cầu doanh nghiệp khai báo những nội dung không liên quan trực tiếp đến việc đáp ứng điều kiện kinh doanh đã nêu.   Trong trường hợp cơ quan soạn thảo thấy rằng quy định của Luật là chưa hợp lý thì kiến nghị Quốc hội sửa Luật. | **Đề nghị bỏ các quy định sau tại Điều 5**: điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm đ khoản 3 vì quy định này vừa không phải điều kiện, vừa trái Luật (nếu giữ thì chuyển sang các quy định về hồ sơ chứ không phải điều kiện).  **Đề nghị không quy định doanh nghiệp khai báo thêm thông tin trong thành phần hồ sơ vượt quá phạm vi yêu cầu** tại các Điều 43 của Luật ATTTM.  **Đề nghị bỏ** các nội dung yêu cầu doanh nghiệp khai báo về "phương án triển khai kho bãi", "kế hoạch đầu tư".  **Đề nghị sửa đổi mẫu văn bản tại Phụ lục** Nghị định tương ứng với các nội dung trên. |
| 3 | **Điều 5. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng**  1. Doanh nghiệp được cấp phép triển khai hoạt động nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  c) Có cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm chính có ***văn bằng chứng chỉ*** về an toàn thông tin hoặc chuyên ngành kỹ thuật ***có liên quan***. | Quy định này chưa đáp ứng yêu cầu về minh bạch. Không rõ "văn bản chứng chỉ" là những loại văn bằng chứng chỉ nào? Từ cấp nào trở lên? Do cơ quan, tổ chức nào cấp?  Không rõ "chuyên ngành kỹ thuật ***có liên quan***" bao gồm những ngành nào? | **Đề nghị quy định rõ, định lượng** hoặc bỏ quy định tại điểm c khoản 1 Điều |
| 4 | **Điều 5. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng**  2. Doanh nghiệp được cấp phép triển khai hoạt động sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  b) Có hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất và công nghệ sản xuất **phù hợp** với phương án sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng;  d) **Có đội ngũ quản lý, điều hành** có **bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm, năng lựcđáp ứng** phương án kinh doanh;  đ) Có đội ngũ kỹ thuật có bằng đại học chuyên ngành hoặc ***chứng chỉ*** an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông ***với số lượng đáp ứng được quy mô, yêu cầu kỹ thuật của phương án kinh doanh***.  3. Doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2, Điều 2 Nghị định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  b) Có hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất ***phù hợp*** với quy mô cung cấp dịch vụ, phương án kinh doanh;  c) Có đội ngũ quản lý, điều hành ***đáp ứng được*** yêu cầu chuyên môn về an toàn thông tin;  d) Có đội ngũ kỹ thuật có bằng đại học chuyên ngành hoặc ***chứng chỉ*** an toàn thông tin hoặc cồng nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông với ***số lượng đáp ứng được*** quy mô, yêu cầu kỹ thuật của phương án kinh doanh;  4. Doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng quy định tại điểm e, g khoản 2, Điều 2 Nghị định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  d) ***Đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật*** có ***văn bằng hoặc chứng chỉ*** chuyên môn về kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với doanh nghiệp đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin;  đ) ***Đội ngũ quản lý điều hành, kỹ thuật*** có ***văn bằng hoặc chứng chỉ*** chuyên môn về bảo mật thông tin đối với doanh nghiệp đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự. | Tại Điều 5 có một số quy định không rõ ràng.  Quy định tại điểm b khoản 2không rõ ràng, thiếu minh bạch vì doanh nghiệp và cơ quan quản lý sẽ không có tiêu chí cụ thể để đánh giá "tính phù hợp" của cơ sở vật chất và công nghệ.  Quy định tại điểm d khoản 2cũng không rõ ràng, thiếu minh bạch, cụ thể:  - Không rõ "**có đội ngũ quản lý, điều hành**" tức là thế nào? Toàn bộ những người này phải có bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm hay chỉ một người, một số người? Ai được coi là thuộc đội ngũ quản lý, điều hành?  - Không rõ **bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm** được xác định thế nào? Bằng cấp, chứng chỉ loại nào? Do ai cấp? Kinh nghiệm bao nhiêu năm?  - Không rõ như thế nào là **đáp ứng** phương án kinh doanh?  Quy định tại điểm đ khoản 2 cũng chưa rõ ràng, minh bạch khi không rõ tiêu chí nào để xác định nhân lực có đủ số lượng đáp ứng hay không?  Cac quy định tại điểm b và c khoản 3, điểm d và đ khoản 4 cũng gặp các vấn đề tương tự. | **Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ một cách định lượng** các quy định tại điểm/ khoản đã phân tích tại Điều 5 (điểm b, d, đ khoản 2, điểm b, c, d khoản 3, điểm d và đ khoản 4.  **Hiện nay, dự thảo Nghị định đang áp dụng phương pháp quản lý như sau:**  - Yêu cầu doanh nghiệp khai báo về kế hoạch kinh doanh.  - Yêu cầu doanh nghiệp khai báo về nhân lực, cơ sở vật chất, thậm chí cả về tài chính.  - Cơ quan nhà nước thẩm định kế hoạch kinh doanh và đánh giá năng lực về nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính có đáp ứng được với kế hoạch đã khai báo không.  **Cách quản lý này không rõ ràng, không minh bạch** và thể hiện sự can thiệp một cách quá mức của nhà nước vào thị trường.  **Đề nghị cơ quan soạn thảo xây dựng quy định** theo hướng:  - Liệt kê rõ ràng, định lượng các điều kiện về trang thiết bị, nhân lực mà doanh nghiệp phải đáp ứng.  - Chỉ yêu cầu doanh nghiệp khai báo các nội dung tương ứng nhằm chứng minh năng lực về trang thiết bị, nhân lực. |